

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP KHÔNG KHÍ SẠCH, KHÔNG KHÍ AN TOÀN AIRSAFE

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP KHÔNG KHÍ SẠCH, KHÔNG KHÍ AN TOÀN AIRSAFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AIRSAFE CLEAN AIR, SAFE AIR SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AIRSAFE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109695511

3. Ngày thành lập: 06/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 145 Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0396 818 573

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
2.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
3.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
4.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
5.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
6.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530(Chính)
9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
10.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
12.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
13.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
14.	Sản xuất rượu vang	1102
15.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
16.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
17.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
18.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

19.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
20.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
21.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
22.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
23.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
24.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
25.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
26.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
27.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
28.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
29.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
30.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
31.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
32.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
33.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
34.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
35.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
36.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
37.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
38.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
39.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
40.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
41.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
42.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
43.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
44.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
45.	Sản xuất máy luyện kim	2823
46.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
47.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
48.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
49.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
50.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
51.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
52.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311

53.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
54.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
55.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
56.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
57.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
58.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
59.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
60.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
63.	Bán buôn thực phẩm	4632
64.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
65.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
66.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
69.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
70.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	4662
71.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
72.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
73.	Bán buôn tổng hợp (Loại trừ loại Nhà nước cấm)	4690
74.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
75.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
77.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
78.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
79.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
80.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610

81.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
82.	Lập trình máy vi tính	6201
83.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
84.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
85.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
86.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo trí)	6312
87.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tư vấn thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán)	6619
88.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020

89.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy, tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật hệ thống phòng cháy và chữa cháy - Thiết kế xây dựng công trình gồm: + Thiết kế nội, ngoại thất công trình + Thiết kế san nền, đường bộ và hệ thống thoát nước khu đô thị. + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. + Thiết kế công trình văn hóa, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật + Thiết kế công trình đường bộ, san nền. + Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. - Tư vấn đấu thầu, tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ yêu cầu - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn lập dự án công trình xây dựng. - Tư vấn thẩm tra, thiết kế xây dựng công trình (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký). - Lập, thẩm tra, thẩm định dự toán xây dựng công trình - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng, lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng - Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình - Dịch vụ kiến trúc bao gồm: + Thiết kế kiến trúc công trình; + Thiết kế kiến trúc trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị; + Thiết kế kiến trúc cảnh quan; + Thiết kế nội thất; + Đánh giá kiến trúc công trình; + Thẩm tra thiết kế kiến trúc. - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Giám sát thi công xây dựng gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. + Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi + Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (lĩnh vực: xây dựng và hoàn thiện) - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu - Tư vấn quản lý dự án - Lập Tổng dự toán, quyết toán xây dựng công trình; Tư vấn lập tổng dự toán các công trình xây dựng	7110
90.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
91.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

92.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị Định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị Định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy	7490
93.	Cho thuê xe có động cơ	7710
94.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
95.	Đại lý du lịch	7911
96.	Điều hành tua du lịch	7912
97.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
98.	Dịch vụ đóng gói	8292
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm). (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
100.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
101.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
102.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
103.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ ĐẦU TƯ INTECH	Số 12N6, ngõ 90 đường Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0105978170	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	45.000	450.000.000	90,000		
			Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	90,000		
2	CAO THỊ BÍCH HẠNH	Khu 6, Xã Hùng Lô, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	25.000.000	5,000	132151966	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500	25.000.000	5,000		

3	CAO ĐẠI THẮNG	Khu 6, Xã Hùng Lô, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500	25.000.000	5,000	131200256	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500	25.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CAO THỊ BÍCH HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/01/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 132151966

Ngày cấp: 20/09/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: Khu 6, Xã Hùng Lô, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà CT12, Khu đô thị mới Tứ Hiệp, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội